

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST
Ngày 17 tháng 5 năm 2021
V/v: Tranh chấp về hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Trừ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Loan
2. Ông Hồ Quang Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Nam Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2020/TLST- DS ngày 27 tháng 5 năm 2020, về tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (viết tắt Ngân hàng TMCP A); trụ sở: đường H, phường Đ, quận S, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Đỗ Hồng T sinh năm 1987 – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP A. Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 28/UQ-HĐQT.18 ngày 04/5/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP A và Giấy ủy quyền số: 594/UQ-TGD.20 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Phó tổng giám đốc Ngân hàng TMCP A). Anh T có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn Đ sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị N sinh năm 1965; cùng trú tại tổ S, thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Ông Đ, bà N ủy quyền cho chị Phan Thị Phúc L theo văn bản ủy quyền ngày 31/7/2020. Chị L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 10.3.2020, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Hồng T trình bày:

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại Ngân hàng TMCP A - Phòng giao dịch V; Ngân hàng TMCP A có ký với vợ chồng ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị N hợp đồng cho vay từng lần số: 2953/19/TD/VII.3 ngày 26/9/2019 để cho vay số tiền 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng), thời hạn cho vay là 120 tháng, kể từ ngày 27/9/2019 đến ngày 28/9/2029, với mức lãi suất là 12,20%/năm trong 12 tháng đầu, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn tại thời điểm phát sinh quá hạn, mục đích vay để bù đắp số tiền đã mượn của người thứ ba để thanh toán tiền xây dựng nhà ở tại thửa đất số 44, tờ bản đồ 11, thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Để đảm bảo các khoản nợ vay trên, vợ chồng ông Đ, Bà N đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP A – phòng giao dịch V Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 611199, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH06822 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 29/3/2017 cho ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị N và 01 căn nhà gắn liền với đất hình thành trong tương lai diện tích xây dựng tầng 1: 113,4m², diện tích sàn 578,2m² theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 2953/19/TC/VII.3 ngày 26/9/2019 đã được Văn phòng Công chứng Đ chứng thực và đã đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên Ngân hàng TMCP A - Phòng giao dịch V đã giao đủ số tiền vay cho vợ chồng ông Đ bà N là 2.700.000.000 đồng cho vợ chồng ông Đ, bà N.

Quá trình thực hiện hợp đồng này, vợ chồng ông Đ, bà N chỉ trả cho ngân hàng được 02 tháng tiền gốc và lãi là vào tháng 10/2019 trả 50.467.438 đồng, tháng 11/2019 trả 50.243.301 đồng, sau đó không trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho Ngân hàng như thỏa thuận, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo đòi nợ.

Tạm tính đến hết ngày 16 tháng 5 năm 2021 vợ chồng ông Đ bà N còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền 3.147.392.836 đồng (ba tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi sáu đồng), cụ thể như sau: Tiền gốc: 2.655.000.000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn: 442.193.178 đồng (bốn trăm bốn mươi hai triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng), tính từ ngày 28/11/2019 đến hết ngày 16/5/2021; tiền lãi quá hạn: 50.199.658 đồng (năm mươi triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng), tính từ ngày 28/12/2019 đến hết ngày 16/5/2021.

Ông Đỗ Hồng T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Đ, bà N trả cho Ngân hàng TMCP A làm một lần số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 16/5/2021 là: 3.147.392.836 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 17/5/2021 cho đến khi thi hành án xong. Nếu ông Đ, bà N không trả nợ thì yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản mà ông bà đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP A. Sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, nếu số

tiền thu được không đủ thanh toán hết nợ vay, thì ông Đ, bà N phải tiếp tục thanh toán hết số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP A.

* Tại bản tự khai ngày 12/8/2020 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Phan Thị Phúc L trình bày: Tháng 9/2019, cha mẹ chị L là ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị N cần tiền để trả nợ cho bên thứ ba khi xây dựng nhà ở tại địa chỉ thửa đất số 44, tờ bản đồ số 11, thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa nên đã đề nghị Phòng giao dịch V - Ngân hàng TMCP A vay số tiền 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng).

Ngày 26/9/2019 ông Đ, bà N cũng đã ký hợp đồng thế chấp số 2953/19/TCVII.3 thế chấp quyền sử dụng đất tại thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, diện tích đất 172,1m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CE611199, số vào sổ cấp GCN: CH06822 do UBND huyện V, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 29/3/2017. Cùng ngày ông Đ, bà N cũng đã ký hợp đồng cho vay từng lần số 2953/19/TD/VII.3 để vay 2.700.000.000 đồng, ngân hàng cho chuyển cho ông Đ, bà N đầy đủ số tiền vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ bà N đã trả nợ gốc và lãi đầy đủ trong 2 tháng, mỗi tháng 50.000.000 đồng. Tuy nhiên đến đầu năm 2020 do tình hình dịch bệnh Covid 19, kinh tế gia đình khó khăn nên ông Đ, bà N không còn khả năng trả nợ cho ngân hàng như thỏa thuận mặc dù ngân hàng đã nhiều lần làm việc để yêu cầu trả nợ.

Chị Linh yêu cầu Tòa án giải quyết: Đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng TMCP A về việc buộc ông Đ, bà N trả số tiền 2.721.771.185 đồng (hai tỷ bảy trăm hai mươi một triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn một trăm tám mươi lăm đồng) tạm tính đến ngày 11/02/2020, trong đó nợ gốc 2.655.000.000 đồng, nợ lãi 66.771.185 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 12/02/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu trả tiền gốc và lãi của nguyên đơn với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị N, ông Đ, bà N có địa chỉ tại: tổ S, thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Phan Thị Phúc L đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về số tiền vay, lãi vay, phương thức và thời hạn trả nợ vay:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa; căn cứ hợp đồng cho vay từng lần số: 2953/19/TD/VII.3 ngày 26/9/2019, hợp đồng thế chấp tài sản số: 2953/19/TC/VII.3 ngày 26/9/2019 thì có cơ sở để xác định: Bị đơn là ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị N có vay nguyên đơn là Ngân hàng TMCP A số tiền 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng) và có thế chấp cho Ngân hàng TMCP A tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 611199, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH06822 do Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh cấp ngày 29/3/2017 cho ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị N; 01 căn nhà gắn liền với đất hình thành trong tương lai diện tích xây dựng tầng 1: 113,4m², diện tích sàn 578,2m².

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với nguyên đơn, kể từ ngày 28/11/2019 bị đơn không trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn, vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc, tiền lãi tính đến hết ngày 16 tháng 5 năm 2021 là 3.147.392.836 đồng, trong đó: Tiền gốc: 2.655.000.000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng); Tiền lãi trong hạn: 442.193.178 đồng (bốn trăm bốn mươi hai triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng); Tiền lãi quá hạn: 50.199.658 đồng (năm mươi triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 17/5/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu bị đơn không trả nợ là phù hợp với quy định của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết, phù hợp với quy định tại Điều 280; Điều 463; Điều 466; khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng nên có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn với bị đơn.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP A đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định với số tiền là: 500.000 đồng. Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí này, bị đơn ông Đ, bà N phải chịu. Vì vậy buộc ông Đ, bà N phải hoàn trả lại chi phí xem xét, thẩm định mà nguyên đơn đã tạm ứng theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 72.000.000 đồng + 2% (3.147.392.836 đồng - 2.000.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Điều 466, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Buộc ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 3.147.392.836 đồng (ba tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi sáu đồng) tạm tính đến hết ngày 16/5/2021, cụ thể như sau: Tiền gốc: 2.655.000.000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn: 442.193.178 đồng (bốn trăm bốn mươi hai triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng); tiền lãi quá hạn: 50.199.658 đồng (năm mươi triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng).

Quy định: Kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17 tháng 5 năm 2021, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Xử lý tài sản bảo đảm:

+ Trường hợp ông Đ, bà N không trả đủ số tiền trên cho Ngân hàng TMCP A, thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản của ông Đ, bà N đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 2953/19/TC/VII.3 ngày 26/9/2019 để thu hồi nợ.

+ Trường hợp ông Đ, bà N trả xong số nợ trên cho Ngân hàng TMCP A, Ngân hàng TMCP A có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ, bà N: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE611199, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH06822 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 29/3/2017 cho ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị N.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP A không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị N phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí:

- Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị N phải chịu án dân sự sơ thẩm là 94.947.000 đồng (chín mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

- Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A 43.217.000 đồng (bốn mươi ba triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0003172 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

4. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THA huyện V;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trừ